**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHẦN I - ĐẶT VẤN ĐỀ**  I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI:.................................................................................  II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI:..........................................................................  III. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU:.....................................  IV. GIỚI HẠN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU:...............................................  PHẦN 2 - NỘI DUNG ĐỀ TÀI  I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ TÀI:...................................................................  1. CƠ SỞ LÝ LUẬN:........................................................................................  2. CƠ SỞ THỰC TIỄN:....................................................................................  II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:...........................................................................  1. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ ÁP DỤNG:................................................................  *1.1. Chọn từ để dạy: .........................................................................................*  *1.2. Một số thủ thuật giới thiệu từ vựng:...........................................................*  *1.3. Các bước giới thiệu từ vựng:......................................................................*  *1.4. Các thủ thuật để kiểm tra và củng cố từ:....................................................*  *1.5. Một số phương pháp phát triển vốn từ vựng cho học sinh: .......................*  2. MINH HỌA: .................................................................................................  *2. 1. Dùng đồ dùng trực quan............................................................................*  *2.2. Dùng ngôn ngữ đã học: .............................................................................*  *2.3. Các thủ thuật để kiểm tra và củng cố từ đã thực hiện:..............................*  *2.4 Một số phương pháp phát triển vốn từ vựng đã thực hiện: ........................*  3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:..............................................................................  PHẦN III: KẾT THÚC VẤN ĐỀ  I. BÀI HỌC KINH NGHIỆM: .........................................................................  *1. Thành công:...................................................................................................*  *2. Tồn tại: ........................................................................................................*  II. KẾT LUẬN: .................................................................................................  III. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT: ..............................................................  *1. Về phía giáo viên:..........................................................................................*  *2. Về phía học sinh.............................................................................................*  *3. Về phía các cấp ngành:.................................................................................*  TÀI LIỆU THAM KHẢO | 2  2  3  3  3  4  4  5  6  6  6  6  7  9  10  12  14  14  16  18  20  21  22  22  23  24  24  24  24  25  26 |

PHẦN I - ĐẶT VẤN ĐỀ

I. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI:

Nhà ngôn ngữ học nổi tiếng D. A. Wilkins đã nói rằng ***“Without grammar, very little can be conveyed; without vocabulary, nothing can be conveyed.”*** (Không có ngữ pháp, rất ít thông tin có thể được truyền đạt; Không có từ vựng, không một thông tin nào có thể được truyền đạt cả). Vì thế trong việc học một ngoại ngữ, thì từ vựng có thể xem như các tế bào nhỏ hình thành nên khả năng sử dụng ngoại ngữ của người học.

Nhận thức được việc dạy học sinh học và sử dụng thành thạo từ vựng của ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng trong quá trình dạy bộ môn Tiếng Anh; giúp các em có kiến thức, khả năng thiết lập ngôn ngữ và thành công trong giao tiếp. Hơn nữa, từ vựng còn hết sức quan trọng vì nó truyền tải quan điểm, tư tưởng của người học - là nền tảng để phát triển các kỹ năng ngôn ngữ khác như: đọc hiểu, nghe hiểu, nói, viết...

Chương trình tiếng Anh 6 - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo chương trình Tiếng Anh Trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 03 tháng 01 năm 2012 - sau một thời gian được đưa vào thực tế giảng dạy trong nhà trường đã được đánh giá là chương trình hay, trang bị nhiều kiến thức bổ ích, đòi hỏi khả năng luyện bài thường xuyên để đáp ứng chuỗi

lô-gic bài học, đồng thời phát huy được khả năng sáng tạo, khơi dậy và bồi dưỡng năng khiếu học ngoại ngữ của các em học sinh. Tuy nhiên, bước đầu triển khai vào quá trình học cũng gặp một số khó khăn vì lượng kiến thức trong một tiết học của chương trình mới gấp 1,5 lần tiết học bình thường, lại có số lượng từ nhiều, đòi hỏi sự tập trung cao độ và cố gắng thực sự từ chính học sinh. Với phân phối chương trình 12 Units - tương đương với 12 Topics, cả Thầy và Trò đều phải “nỗ lực” với một chuỗi từ khó; thậm chí cả những từ có khái niệm khá mới mẻ với các em.

Vậy, làm thế nào để học sinh có thể học, nhớ, và sử dụng được vốn từ vựng cần thiết trong năm học đầu của chương trình cấp THCS? Theo tôi, điều quan trọng phụ thuộc vào chính cách dạy từ vựng của người Thầy. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong sáng kiến kinh nghiệm của mình, tôi xin chia sẻ ***một số thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng môn Tiếng Anh lớp 6,*** nhằm góp phần phát triển vốn từ vựng cho học sinh lớp 6, giúp các em thành công hơn trong giao tiếp Tiếng Anh và thêm yêu bộ môn ngoại ngữ này.

II. NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ TÀI:

Trong việc dạy Tiếng Anh, giúp học sinh học từ, nhớ từ là một hoạt   
động dạy không thể thiếu trong một tiết học nào. Việc học từ và nhớ từ   
không chỉ đơn thuần là việc giúp học sinh nhớ nghĩa của từ mà còn là việc   
giúp các em nghe từ, phát âm từ một cách chính xác và áp dụng từ trong   
giao tiếp bằng Tiếng Anh. Vì vậy, việc tìm ra những cách thức giúp các em   
học từ và nhớ từ lâu là nhiệm vụ của mỗi giáo viên với mục đích giúp học   
sinh hiểu từ, sử dụng được từ vào trong câu theo từng ngữ cảnh và nhớ   
được từ lâu. Nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài bao gồm các vấn đề sau:   
- Tìm hiểu thực trạng việc dạy Tiếng Anh trước khi vận dụng đề tài.   
- Các phương pháp dạy từ vựng hiệu quả; trình tự dạy từ cho học sinh lớp 6.   
- Các cách giúp học sinh ghi nhớ từ vựng vừa được học.

**III. ĐỐI TƯỢNG VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU:**

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là một số thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng Tiếng Anh cho học sinh lớp 6 học chương trình Thí điểm tại trường THCS ........... - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.

**IV. GIỚI HẠN VÀ PHẠM VI NGHIÊN CỨU:**

- Thời gian nghiên cứu từ Tháng 9. 2016 đến nay tại trường THCS ...

PHẦN 2 - NỘI DUNG ĐỀ TÀI

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ TÀI:

1. CƠ SỞ LÝ LUẬN:

Giáo dục có vai trò quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của xã hội và là tiêu chuẩn đánh giá sự phát triển của một Quốc gia. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nêu rõ: *“Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung dạy cách học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học”.*

Để thực hiện tốt mục tiêu về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT theo Nghị quyết số 29-NQ/TW, cần có nhận thức đúng về bản chất của đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học và một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học theo hướng này.  
  Nhận thức được điều đó và thực hiện chỉ đạo cấp trên, đội ngũ giáo viên giảng dạy môn Tiếng Anh chúng tôi đã, đang và sẽ tiếp tục tự nghiên cứu thực hiện  để từng bước đổi mới phương pháp dạy học của mình sao cho có hiệu quả và nhằm nâng cao chất bộ môn.

Trong quá trình dạy học bộ môn Tiếng Anh, những định hướng đổi mới này càng thiết thực vì không ai có thể thay thế người học trong việc nắm bắt các phương tiện ngoại ngữ và sử dụng chúng trong hoạt động giao tiếp bằng chính năng lực giao tiếp của mình. Giao tiếp là mục tiêu cuối cùng của việc dạy và học ngoại ngữ ở trường phổ thông. Điều này có nghĩa là giáo viên phải phối hợp rèn luyện đồng thời cả bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết cho các em. Nhưng để thực hành bất kỳ kỹ năng nào, đòi hỏi các em phải có vốn từ nhất định. Vốn từ vựng càng nhiều càng giúp học sinh hiểu ngôn ngữ giao tiếp một cách nhanh chóng và hiệu quả. Tuy nhiên, việc học từ vựng quả là cả một vấn đề đối với học sinh THCS nói chung, đối với học sinh khối 6 nói riêng. Đa số các em cảm thấy việc học từ vựng Tiếng Anh rất khó học, mau quên do hệ thống phát âm và chữ viết khác tiếng mẹ đẻ, số lượng từ trong mỗi tiết học không phải là ít.

Vậy làm thế nào để giúp các em cảm thấy hứng thú hơn, ghi nhớ từ lâu hơn và có thể sử dụng vốn từ học được trong giao tiếp? Đây là vấn đề tôi trăn trở và đưa ra một số phương pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy từ vựng trong giảng dạy cho học sinh lớp 6.

**2. CƠ SỞ THỰC TIỄN:**

Trên thực tế, trong việc dạy học môn Tiếng Anh hiện nay, giáo viên đã có thuận lợi hơn nhiều. Trước hết là về phương tiện, thiết bị hiện đại: Trên địa bàn Quận Thanh Xuân, từ năm học 2012 - 2013, UBND Quận đã trang bị đồng bộ cho 100% số phòng học bộ công nghệ thông tin (CNTT) phục vụ giảng dạy gồm máy tính, máy projector. Ban Giám hiệu nhà trường cũng đã có kế hoạch trang bị máy chiếu ở các phòng chức năng từ nhiều năm nay. Đồng thời hệ thống mạng Internet đã được kết nối với tất cả các phòng học trong nhà trường. Đó là những tín hiệu rất đáng mừng, bởi giáo viên - đặc biệt giáo viên giảng dạy bộ môn Tiếng Anh đã có thể sưu tầm tư liệu qua mạng Internet và từng bước ứng dụng CNTT vào dạy học theo chủ trương của ngành. Thêm nữa, các cơ quan chức năng ngành dọc như Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo cùng Ban giám hiệu các nhà trường đã coi trọng công tác bồi dưỡng giáo viên. Tuy nhiên, chúng ta không thể phủ nhận được một thực trạng đáng buồn là một bộ phận không nhỏ học sinh - độ chăm chỉ đang có xu hướng giảm dần do thiếu ý chí và do mặt trái của nền kinh tế thời hội nhập có nhiều thứ để các em dễ bị thu hút, bị phân tâm. Do vậy, việc yêu cầu các em về nhà học và luyện từ vựng Tiếng Anh tương đối khó. Hơn nữa, bộ môn Tiếng Anh chưa phải là môn thi bắt buộc vào Trung học phổ thông nên nhiều em còn lơ là, chưa chú trọng vào ôn luyện ở nhà. Từ việc chưa chịu khó ôn luyện để tăng vốn từ dẫn đến vốn ngôn ngữ của các em còn nghèo nàn, gây khó khăn trong giao tiếp.

Một nguyên nhân khác cũng cần phải nói đến là về phía giáo viên. Bên cạnh những giáo viên đã cố gắng tìm tòi, đổi mới phương pháp nhằm mang lại hiệu quả cho mỗi giờ dạy học ngoại ngữ, vẫn còn một số ít giáo viên còn ngại sử dụng các kĩ thuật dạy từ vựng theo yêu cầu đổi mới, mà vẫn duy trì lối giới thiệu từ theo cách chép bảng rồi cho học sinh luyện đọc. Điều này dễ gây cho học sinh chán học ngoại ngữ, lại khó nhớ các từ vựng được giới thiệu trong tiết học, dẫn đến khả năng diễn đạt và giao tiếp của các em ngày càng bị hạn chế và không linh hoạt.

Qua gần 20 năm giảng dạy ở bậc học này, bản thân tôi thấy dạy từ vựng cho học sinh THCS là một quy trình không khó nhưng không ít các giáo viên thấy băn khoăn lo lắng vì học sinh có rất ít hứng thú khi gặp những bài học có nhiều từ mới, trừu tượng và khó học. Trong năm học 2016- 2017 này, bản thân tôi được phân công dạy Tiếng Anh cho lớp 6A5. Qua điều tra học sinh lớp 6A5 từ đầu năm học tôi được biết rất nhiều học sinh ngại nói và cảm thấy khó học, khó nhớ từ vựng Tiếng Anh. Chính vì vậy các em gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với giáo viên cũng như với bạn trong nhóm, trong lớp của mình. Qua bài kiểm tra khảo sát đầu năm và bài kiểm tra 15 phút số 1, kết quả phần kiểm tra từ vựng chưa cao.

Để tạo cho các em học sinh có tinh thần học tập say mê hơn, cần phải tạo cho các em một môi trường học tập sôi nổi, phương pháp giảng dạy của giáo viên phải luôn đổi mới, khoa học và có hiệu quả. Bởi vậy, tôi luôn đi tìm cho mình phương pháp phù hợp nhất để áp dụng vào bài dạy, giúp cho các em hiểu từ nhanh, nhớ từ tốt, đặc biệt thông qua các kĩ thuật dạy từ và các trò chơi. Từ những băn khoăn trên, tôi quyết định chọn đề tài : ***" Một số thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng môn Tiếng Anh cho học sinh lớp 6”*** để tìm hiểu và nghiên cứu một vài phương pháp nhằm khắc sâu khả năng ghi nhớ từ cho các em. Tôi xin chia sẻ cùng đồng nghiệp qua việc nghiên cứu đề tài này và xin ghi ra những kinh nghiệm ít ỏi của mình, có thể không hoàn toàn mới nhưng tôi đã thực hiện khá linh hoạt và đạt được một số kết quả khả quan. Mong rằng những kinh nghiệm này sẽ góp phần bổ sung và làm phong phú hơn phương pháp dạy Tiếng Anh trong trường THCS.

**II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:**

**1. CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ ÁP DỤNG:**

***1.1. Chọn từ để dạy:***

Thông thường trong một bài học sẽ luôn luôn có từ mới. Song, không phải từ mới nào cũng cần đưa vào dạy như nhau. Để lựa chọn từ để dạy, giáo viên cần xem xét các câu hỏi sau:

***a) Từ chủ động hay từ bị động?***

Từ chủ động (active/ productive vocabulary) là những từ học sinh hiểu, nhận biết và sử dụng được trong giao tiếp nói và viết.

Từ bị động (passive/ receptive vocabulary) là những từ học sinh chỉ hiểu và nhận biết được khi nghe và đọc.

Cách dạy hai loại từ này có khác nhau. Từ chủ động liên quan đến cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; giáo viên cần đầu tư thời gian để giới thiệu và luyện tập nhiều hơn, đặc biệt là cách sử dụng từ. Với từ bị động, giáo viên có thể chỉ dừng lại ở mức nhận biết, không cần đầu tư thời gian vào các hoạt động ứng dụng. Giáo viên cần xác định xem sẽ dạy từ nào như một từ bị động và từ nào như một từ chủ động. Với từ bị động, giáo viên có thể khuyến khích học sinh tự tìm hiểu nghĩa từ (ví dụ: tra từ điển), hoặc đoán từ qua ngữ cảnh.

***b) Học sinh đã biết từ này chưa?***

Giáo viên cần xác định rõ từ mình định dạy có thực sự là từ cần dạy hay không. Vốn từ của học sinh luôn luôn được mở rộng bằng nhiều con đường, và cũng có thể bị quên bằng nhiều lý do khác nhau.  Để tránh tình trạng giới thiệu những từ không cần thiết và mất thời gian, giáo viên có thể dùng những thủ thuật nhằm phát hiện xem các em đã biết những từ đó chưa và biết đến đâu. Giáo viên có thể dùng các thủ thuật như: eliciting; brainstorming; hoặc có thể hỏi trực tiếp học sinh những từ nào là từ mới và khó trong bài.

Lâu nay, trong quá trình dạy học từ vựng cho học sinh, chúng ta vẫn thường sử dụng rất nhiều tranh ảnh và trò chơi để thu hút sự chú ý của các em, khắc sâu cho các em khả năng ghi nhớ, cách đọc và cách viết của từ mới, nhất là ở những tiết có nhiều từ dài và khó. Cách làm này, có thể nói đã đem lại những hiệu quả thiết thực nhất định trong việc dạy từ. Thế nhưng, bên cạnh những thủ thuật với nhiều ưu điểm ấy , một số trò chơi vẫn còn những hạn chế nhất định, chưa thật sự phát huy được khả năng ghi nhớ, chưa thật sự kích thích, lôi cuốn được các em chiếm lĩnh kiến thức của bài học. Hơn nữa, chúng không được sử dụng đại trà cho tất cả các bài dạy từ, các giờ lên lớp cũng như các khâu của tiến trình bài dạy. Chính vì thế, trong một tiết dạy, việc sử dụng kĩ thuật dạy từ hoặc trò chơi nào để giới thiệu từ mới và thủ thuật, trò chơi nào để củng cố từ vựng - tôi cho rằng giáo viên phải sử dụng một cách thận trọng và linh hoạt trong mỗi tiết dạy khác nhau.

***1.2. Một số thủ thuật giới thiệu từ vựng:***

***1.2.1. Visual ( Nhìn)***

Là thủ thuật dạy từ mới mang tính thực tế cao: cho học sinh nhìn tranh ảnh, hình vẽ ... giúp các em hiểu nghĩa từ một cách nhanh chóng. Đây là thủ thuật thu hút sự chú ý của học sinh, kích thích, thúc đẩy sự tham gia của học sinh một cách tích cực. Ngoài ra còn giới thiệu được ý nghĩa của một số từ trừu tượng, những vật xa lạ với thực tế Việt Nam.

Tuy vậy thủ thuật này cũng có một vài hạn chế như: Người học đôi khi có thể hiểu lầm ý nghĩa của từ mà giáo viên muốn dạy. Nếu tất cả các từ mới trong một tiết học đều được dạy bằng tranh sẽ gây nhàm chán cho người học.

***1.2.2. Mime ( Điệu bộ )***

Đây là thủ thuật người dạy dùng cử chỉ điệu bộ để dạy từ, thủ thuật này không phải hoàn toàn mới nhưng phải được sử dụng đúng lúc thì người học mới có thể hiểu được nghĩa của từ một cách chính xác.

Thủ thuật này có thể được sử dụng làm trò chơi. VD : Sau khi cho học sinh đọc từ “ sing”, giáo viên hướng dẫn luôn học sinh hoạt động hát khi đọc lại và sau đó cho một học sinh lên bảng thể hiện lại động tác đó, cả lớp đọc to, hoặc ngược lại, cả lớp thực hiện một động tác để một học sinh đọc từ.

Thời gian chơi diễn ra rất ngắn mà hiệu quả: các em nhớ từ lâu và chính xác.

***1.2.3. Realia (Vật thật)***

Đây là trò chơi mà nghĩa của từ có thể giới thiệu bằng cách chỉ vào đồ vật hoặc giơ đồ vật lên để học sinh quan sát. Phương thức này rất phổ biến đối với các lớp bắt đầu và rất hiệu quả vì đã làm cho việc hiểu nghĩa của từ trở nên rất chính xác và tiết kiệm thời gian.

Người học dùng trực giác để xác định ngay được cái cần tìm mà không cần phải thông qua một khâu trung gian nào cả. Các đồ vật có thể có sẵn trong phòng học, hoặc giáo viên đưa thế giới sinh động bên ngoài lớp học đến với người học.

***1.2.4. Situation/ explanation ( Tình huống, giải thích)***

Đây là phương pháp mà nghĩa của từ có thể hiểu được trong văn cảnh cụ thể. Thủ thuật tạo ngữ cảnh để giới thiệu từ vựng mới giúp học sinh rất tích cực trong việc đoán từ.

Tuy nhiên, thủ thuật này theo tôi hầu hết chỉ phù hợp cho học sinh khá, giỏi - những em học sinh đã có vốn từ vựng khá tốt và khả năng nghe tốt.

***1.2.5. Synonym/ Antonym ( Từ đồng nghĩa/ từ trái nghĩa)***

Ta sử dụng từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa để làm rõ nghĩa của từ khi học sinh đã biết nghĩa của một từ trong cặp đồng nghĩa/ trái nghĩa. Thủ thuật này giúp học sinh ôn lại được từ đã học, vừa biết được nghĩa của từ mới nhanh chóng, tự nhiên.

***1.2.6. Example ( Ví dụ)***

Giáo viên muốn giới thiệu một từ nào đó mà không cần đến sự giải thích dài dòng nào, giáo viên chỉ ngay vào những vật hoặc thứ mình cần nói đến.

Ngoài những cách giới thiệu từ mới cơ bản và dùng thường xuyên ở trên ta còn có thể sử dụng một số cách nhớ khác như biểu bảng, đồ thị.

Ví dụ: Giới thiệu nghĩa của các trạng từ tần suất. Ta hãy giới thiệu cho học sinh như sau:

*Never Sometimes Often Usually Always*

*0% 100%*

***1.2.7. Dùng băng ghi âm:***

Nghĩa của từ có thể được làm rõ khi giáo viên dùng băng ghi âm để minh họa. Ví dụ: Khi muốn dạy từ TRAFFIC chắc hẳn chúng ra sẽ thấy dễ dàng hơn khi

minh họa khái niệm Giao Thông bằng âm thanh, tiếng động hơn là nghĩ ra những giải thích dài dòng.

***1.2.8. Translation ( dịch)***

Giáo viên dùng những từ tương đương trong tiếng Việt để giới thiệu từ trong tiếng Anh. Giáo viên chỉ sử dụng thủ thuật này khi không có cách nào khác. Thủ thuật này chỉ sử dụng để giới thiệu từ trừu tượng.

Thủ thuật này có một số nhược điểm như: Học sinh sẽ có cảm giác đơn điệu, nhàm chán và không phát huy được tính tích cực, chủ động, tư duy của học sinh.

***1.3. Các bước giới thiệu từ vựng:***

***1.3.1 Âm thanh:***

Lựa chọn đúng thủ thuật như đã giới thiệu ở trên để giới thiệu từ cần dạy. Khi học sinh tìm ra nghĩa của từ qua cách gợi ý của cô giáo, giáo viên đọc từ đó lên.

***1.3.2 Nhắc lại:***

Yêu cầu cả lớp nhắc lại vài lần sau đó gọi một vài học sinh nhắc lại và nói nghĩa của từ đó.

***1.3.3 Chữ viết:***

Cùng với yêu cầu phát âm chính xác từ mới đang học, giáo viên viết từ mới đó lên bảng và đánh dấu trọng âm của từ. Lúc này học sinh có thể chép vào vớ. Đọc từ mới một vài lần.

***1.3.4 Kiểm tra và củng cố từ:***

Chúng ta biết rằng, chỉ giới thiệu từ mới thôi không đủ, mà chúng ta phải thực hiện các bước kiểm tra, củng cố từ. Bước này rất quan trọng vì nó giúp học sinh ghi nhớ từ và vận dụng vào quá trình thực hành tiếp theo. Bước này đòi hỏi giáo viên áp dụng một số các biện pháp như các trò chơi: Slap the board, Matching, Rub out and remember ...

***1.4. Các thủ thuật để kiểm tra và củng cố từ:***

***1.4.1 What and Where***

Giáo viên viết các từ vừa giới thiệu vào các vòng tròn trên bảng, cho học sinh đọc và xóa dần các từ, sau đó yêu cầu học sinh viết lại các từ đúng vị trí. Phương pháp này giúp học sinh vừa đọc được từ, nhớ được hình thái chữ viết của từ.

***1.4.2 Slap the board***

Giáo viên viết phần từ vừa giới thiệu hoặc dán tranh thể hiện từ lên bảng. Giáo viên gọi hai nhóm, mỗi nhóm từ bốn đến năm học sinh.

Yêu cầu học sinh vỗ vào phần từ hoặc tranh khi nghe giáo viên đọc từ đó (từ trên bảng bằng tiếng Anh thì đọc bằng tiếng Việt và ngược lại). Nhóm nào làm đúng và nhanh hơn, ghi điểm nhiều hơn thì nhóm đó thắng.

Thủ thuật này rất vui nhôn, phù hợp với học sinh lớp 6, nhưng theo tôi mất khá nhiều thời gian, số học sinh được tham gia ít.

***1.4.3 Jumbled words***

Giáo viên viết các từ với các chữ cái xáo trộn, sau đó yêu cầu học sinh viết lại từ cho đúng.

***1.4.4 Matching***

Là trò chơi nhằm kiểm tra lại ý nghĩa của từ vừa học khá hiệu quả, mất ít thời gian lại dễ chơi; mọi đối tượng đều tham gia được.

***1.4.5 Rub out and remember***

Là trò chơi nhằm thu hút sự tập trung chú ý của học sinh rất hiệu quả. Giáo viên có thể kiểm tra lại khả năng ghi nhớ hình thái âm thanh và chữ viết của từ.

*Hạn chế :* Người học có thể gặp nhiều khó khăn để nhớ hình thái chữ viết của từ. Không phải tất cả các từ mới có thể đọc và viết lại được ngay trong thời gian quá ngắn. ( Thủ thuật này đòi hỏi học sinh phải ôn luyện từ vựng nhiều hơn ở nhà)

***1.4.6 Flashcards ( Thẻ từ, tranh)***

Đây là trò chơi giúp học sinh có khả năng ghi nhớ rất nhanh. Sau khi học sinh đọc từ, giáo viên cho các em đọc lại thật chậm cùng Cards để các em ghi nhớ ý nghĩa của từ, sau đó đưa tranh nhanh dần để học sinh đọc to. Nếu chưa chính xác, cả lớp đọc lại. Trò chơi này làm cho học sinh rất chú ý vào việc ghi nhớ từ.

***1.4.7 Whisper ( Nói thầm )***

Đây là trò chơi giúp học sinh nhớ nhanh cách phát âm và phát âm chuẩn hơn. Sau khi học sinh đọc từ nhiều lần, giáo viên sẽ nói mấp máy môi để học sinh đọc to.Trò chơi này mất ít thời gian, không phải chuẩn bị, dễ; học sinh rất thích chơi, thu hút sự chú ý của cả lớp.

***1.4.8 What’s missing? ( Tìm từ / tranh vừa mất )***

Đây là trò chơi kiểm tra nghĩa của từ, tạo cho học sinh phản ứng rất nhanh. Sau khi cho học sinh đọc từ ( từ phải cùng nhóm hoặc cùng topic). Giáo viên viết lên bảng những từ đó không theo thứ tự, cho học sinh nhìn qua để nhớ vị trí, khi giáo viên hô “sleep!” học sinh nhắm mắt và giáo viên xóa đi một từ, giáo viên hô “wake up!”, học sinh mở mắt nhìn thật nhanh xem mất từ nào thì hô to từ đó. Cứ như vậy đến lúc còn một, hai từ trên bảng. Trò chơi này đơn giản, nhanh, dễ nhớ từ.

Trò chơi này có thể áp dụng với việc sử dụng từ bằng tranh ảnh. Các tranh cùng chủ đề sau khi dùng để giới thiệu từ xong, giáo viên gắn lên bảng. Tiến trình như đối với từ. Tranh nào biến mất, học sinh hô to nội dung của tranh.

***1.5. Một số phương pháp phát triển vốn từ vựng cho học sinh:***

Muốn thực hành giao tiếp bằng Tiếng Anh lưu loát, không chỉ nắm vững ngữ pháp là đủ, mà cần phải có một lượng từ vụng phong phú. Thế nên ngoài việc dạy từ vựng trong sách giáo khoa, tôi luôn cố gắng phát triển thêm vốn từ vựng cho học sinh- không riêng với học sinh khá giỏi mà cả đối với học sinh trung bình - yếu. Qua đó tôi cũng tự củng cố lại kiến thức của mình để làm nền tảng cho các năm học tiếp theo. Vì vậy trước khi phát triển từ vựng - vốn từ cho học sinh, tôi thường tìm tỏi các cách củng cố vốn từ vựng cho học sinh với các hình thức khác nhau.

***1.5.1. Trò chơi viết từ theo chủ đề:***

- Đối với lớp có nhiều học sinh khá giỏi tôi chia lớp ra làm 2 nhóm A và B và bảng cũng được chia ra làm 2 phần, viết theo 2 chủ đề khác nhau. Cho thời gian cụ thể, để 2 nhóm lần lượt thi nhau lên viết từ. Tổng kết trò chơi xem nhóm nào viết được nhiều từ đúng và chính xác hơn là nhóm chiến thắng.

|  |  |
| --- | --- |
| **A ( Food)** | **B ( Drink)** |
| meat  fish  beef  ..... | water  soda  milk  ..... |

***1.5.2. Trò chơi viết từ theo các chữ cái quy định:***

Đối với học sinh có học lực Trung bình - khá, GV chia lớp làm 2 nhóm A và B và bảng cũng được chia ra làm 2 phần. Mỗi nhóm lần lượt lên bảng viết từ vựng bắt đầu bằng một chữ cái quy định.

Ví dụ: Viết từ bắt đầu bằng chữ cái B

|  |  |
| --- | --- |
| **A** | **B** |
| book  bench  big  brush  brother  ... | board  beautiful  behind  bus  bank  ... |

***1.5.3. Trò chơi hỏi đáp:***

Lớp được chia làm hai nhóm thay phiên nhau.

Nhóm 1 hỏi, nhóm 2 trả lời và ngược lại. Câu hỏi và câu trả lời được viết lên bảng và có giới hạn về thời gian. Nhóm nào trả lời chậm là nhóm thua.

***1.5.4. Phương pháp học từ vựng ở nhà:***

Có rất nhiều phương pháp giúp học sinh có thể học và ghi nhớ tốt từ vựng:

- Học thuộc lòng từ vựng thông qua đọc, phát âm từ

- Học thuộc từ theo đĩa, băng ghi âm

- Học theo phương pháp phân loại từ vựng theo nhóm để luyện tập, lưu vào giấy nhớ để học

- Học theo dạng thức của từ, học các dạng thức biến đổi của từ

- Học theo cặp từ đồng nghĩa, trái nghĩa

- Vừa đọc hiểu, vừa ghi nhớ từ

- Học từ vựng theo cách thông qua đặt câu

- Học từ vựng thông qua đoạn văn

- Học từ vựng thông qua các câu chuyện Tiếng Anh

Trước đây, khi cho học sinh chơi trò chơi, cả giáo viên và học sinh phải chuẩn bị rất công phu mà chỉ chú ý vào hình thái chữ viết của từ mới. Nhưng với những thủ thuật này các em được chú trọng vào ý nghĩa và cách phát âm của từ, của câu - một trong những vấn đề quan trọng hàng đầu khi dạy Tiếng Anh.

Dưới đây là những địa chỉ tin cậy tôi đã tham khảo khi làm đề tài này:

1. Sách giáo viên, sách giáo khoa thí điểm lớp 6

2. The Eltip Methodology

3. Bồi dưỡng phương pháp giảng dạy - Phạm Phương Luyện và Hoàng Xuân Hoa.

4. Phương pháp dạy tiếng Anh trong trường PT - Nguyễn Hạnh Dung

5*.* Webside *www.education.com*

6. Webside *www.teachenglish.com*

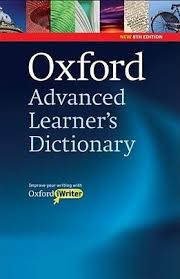
**2. MÔ TẢ:**

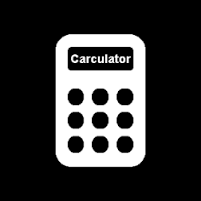
Qua quá trình nghiên cứu tài liệu và thực nghiệm giảng dạy trên lớp, bản thân tôi đã áp dụng có hiệu quả một số thủ thuật dạy từ vựng như sau:

***2. 1. Dùng đồ dùng trực quan*** như: đồ vật, tranh ảnh, hình vẽ phác họa, hình cắt dán từ tạp chí ...

**Ví dụ 1: Unit 1 - Lesson 7: Looking back and Project**

Giáo viên sưu tầm tranh ảnh, dán lên bảng, yêu cầu học sinh lên viết từ để củng cố từ vựng đã học. Việc sử dụng tranh ảnh sống động giúp học sinh dễ dàng hình dung và ghi nhớ từ vựng.

****

**Ví dụ 2: Unit 2 - Lesson 1: Getting started**

Để giới thiệu các giới từ chỉ vị trí ( Bài tập 1.b); giáo viên dùng một số món đồ chơi: con chó , chiếc ghế, bàn và chiếc ti vi. Giáo viên giơ từng hai món đồ chơi lên, đồng thời di chuyển vị trí của con chó để giới thiệu giới từ:

- The dog is ***on*** the chair.

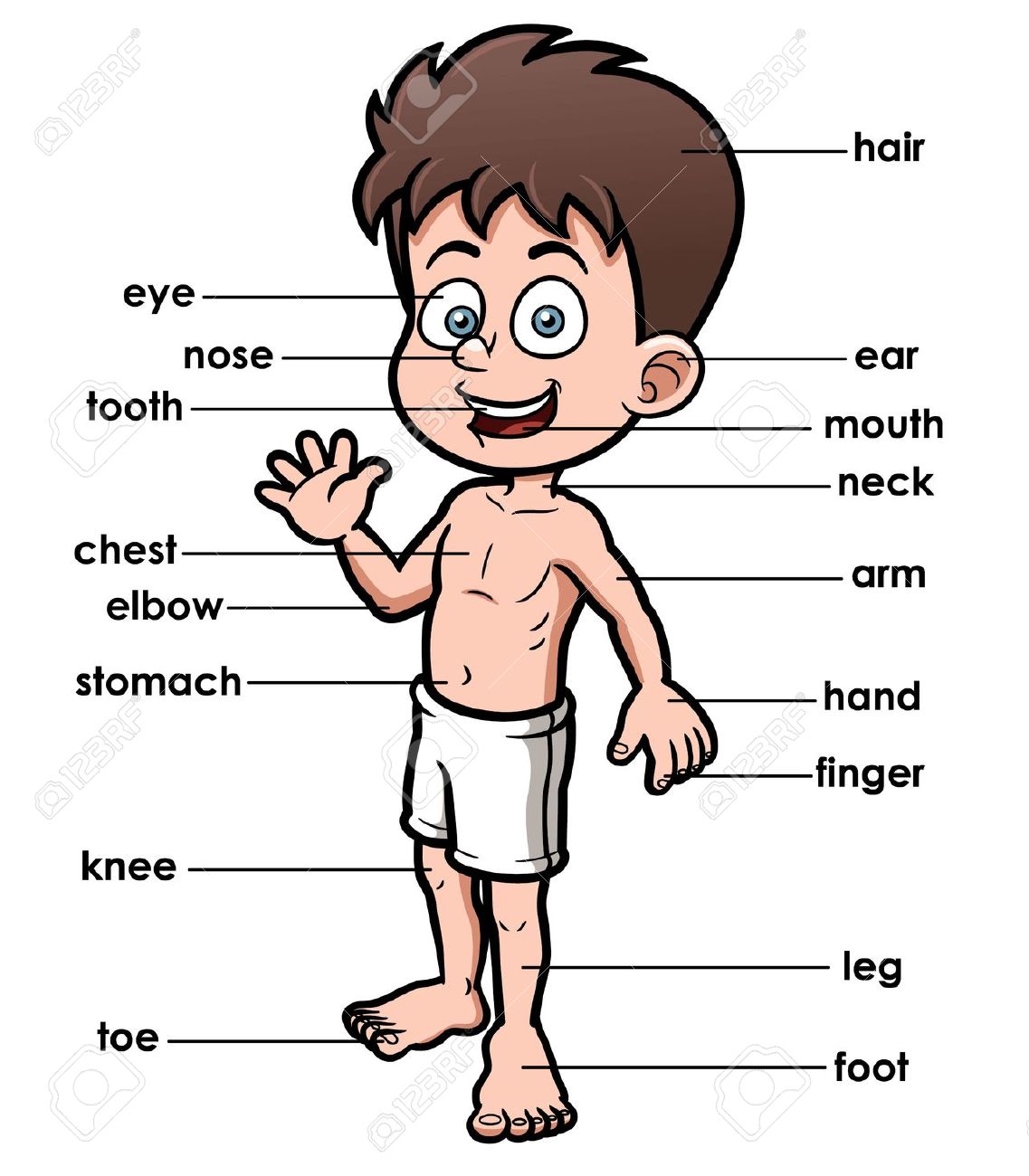
- The dog ***behind*** the chair.

- The dog is ***between*** the chair and the table.

Bằng cách này, học sinh có thể tự đặt được câu sử dụng giới từ dựa vào vị trí của con chó.

**Ví dụ 3: Unit 3 - Lesson 2: A closer look 1**

Giáo viên phác họa các chi tiết trên gương mặt và trên cơ thể để giới thiệu nhóm từ vựng; Hoặc giáo viên chỉ vào các bộ phận cơ thể 1 học sinh nam để giới thiệu nhóm từ vựng: *arm, ears, elbow, eyes, face, foot, fur, glasses, hand, head, knee, leg, mouth, neck, nose, tooth, cheek, finger, shoulders, …*

****

**Ví dụ 4: Unit 8 - Lesson 2: A closer look 1**

Giáo viên dùng tranh ảnh sưu tầm để giới thiệu về từ vựng: *a bicycle, a ball, a sports shoes, a skis, a boat, a racket, a skateboard, a goggles, …*

**Ví dụ 5: Unit 6 - Lesson 1: Getting started**

Giáo viên dùng flash cards để giúp học sinh ghi nhớ tốt từ vựng về ngày Tết: *lucky money, apricot blossom, peach blossom, chung cake, family gathering, house decorations, …*

Sau khi cho học sinh đọc từ, giáo viên cho học sinh đọc thật chậm cùng Flash Cards để các em ghi nhớ nghĩa của từ. Sau đó giáo viên đưa nhanh dần để học sinh đọc to lại toàn bộ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **C:\Users\Admin\Documents\15.jpg** | C:\Users\Admin\Documents\16.jpg | C:\Users\Admin\Documents\17.jpg |
| C:\Users\Admin\Documents\18.jpg | C:\Users\Admin\Documents\19.jpg | C:\Users\Admin\Documents\21.jpg |

**2.2. Dùng ngôn ngữ đã học:**

***2.2.1. Định nghĩa, miêu tả:***

**Ví dụ 1: Unit 3 - Lesson 7: Looking back**

Để giải thích từ ***Creative***, giáo viên định nghĩa như sau:

*“ Creative means having or showing an ability to make new things or think of new ideas”*

Để giải thích từ ***Talkactive***, giáo viên định nghĩa như sau:

*“ Talkactive means a character of a person who likes to talk or talks too much”.*

**Ví dụ 2: Unit 5 - Lesson 1: Getting started**

Để giải thích từ ***forest***và ***desert***, giáo viên có thể miêu tả như sau:

***“*** *A forest is a place where you can see many green tall trees and animals like tigers, birds. Do you know Cuc Phuong forest”?*

*“In a desert, it’s very hot, there is no water, no houses. Do you know Sahara desert?”*

**Ví dụ 3: Unit 7 - Lesson 5: Skills 1**

Để giải thích từ ***instructor*** và ***comedy***  giáo viên có thể miêu tả như sau:

“*instructor” is the one who teaches and instructs you to do something you are not sure about.*

*“comedy” is a type of film, play, or book that is funny in its characters or its action.*

***2.2.2. Dùng từ trái nghĩa, đồng nghĩa:***

Ta sử dụng từ trái nghĩa, đồng nghĩa để làm rõ nghĩa của từ khi học sinh đã biết nghĩa của từ trong một cặp đồng nghĩa hoặc trái nghĩa

**Ví dụ 1: Unit 4 - Lesson 2: A closer look 1**

Cặp từ trái nghĩa:  ***ugly ( adj) # beautiful dirty ( adj) # clean*  *noisy ( adj) # quiet boring ( adj) # interesting***

Cặp từ đồng nghĩa:  ***fantastic ( adj) = excellent/ wonderful***

**Ví dụ 2: Unit 4 - Lesson 2: Skills 1**

Cặp từ trái nghĩa:  ***dislike (v) # like***

Cặp từ đồng nghĩa:  ***incredibly ( adv) = extremely / very***

***2.2.3. Tạo tình huống:***

Giáo viên thiết lập tình huống đơn giản, dễ hiểu bằng Tiếng Anh, học sinh đoán nghĩa qua tình huống và có thể áp dụng từ vào ngữ cảnh giao tiếp đồng thời rèn luyện được kĩ năng nghe hiểu.

**Ví dụ 1: Unit 3 - Lesson 7: Looking back**

*At recess, Nam always tells a joke in our class. We feel very* ***funny***

Học sinh đoán nghĩa từ **funny** trong ngữ cảnh.

**Ví dụ 2: Unit 4 - Lesson 3: A Closer look 1**

*I love it here. Everything I want is only five minutes away. It is so* ***convenient.***

*The air in the area is* ***polluted*** *with smoke from factories.*

**2.3. Các thủ thuật để kiểm tra và củng cố từ tôi đã thực hiện:**

***2.3.1 What and Where***

**Ví dụ: Unit 2 - Lesson 1: A closer look 1**

( Sau khi cho học sinh đọc các từ trên, giáo viên lần lượt xóa các từ trong vòng tròn, chỉ vào vòng tròn trống và yêu cầu học sinh đọc lại. Cuối cùng yêu cầu học sinh viết lại các từ vào đúng vị trí trong vòng tròn)

***2.3.2 Flashcards ( Thẻ từ, tranh)***

Đây là trò chơi giúp học sinh có khả năng ghi nhớ rất nhanh. Sau khi học sinh đọc từ, giáo viên cho các em đọc lại thật chậm cùng Cards để các em ghi nhớ ý nghĩa của từ, sau đó đưa tranh nhanh dần để học sinh đọc to. Nếu chưa chính xác, cả lớp đọc lại. Trò chơi này làm cho học sinh rất chú ý vào việc ghi nhớ từ.

***Ví dụ: Unit 4 - Lesson 1: Getting started***

**square**

**railway station**

**statue**

**memorial**

**art gallery**

**cathedral**

***2.3.3 Whisper ( Nói thầm )***

**Ví dụ: Unit 2 - Lesson 6: Skills 2**

Giáo viên muốn học sinh ghi nhớ nhóm từ vựng**:** *kitchen, bedroom, living room, hall, bathroom, attic, ...*

Sau khi cho học sinh đọc nhiều lần, giáo viên chia nhóm cho học sinh chơi trò chơi nói thầm.

Mỗi nhóm sẽ lần lượt chơi như sau: bạn thứ nhất nói từ số 1, bạn thứ 2 lặp lại từ số 1 và nói từ số 2, bạn số 3 lặp lại từ 1,2 và nói từ số 3. Cứ như vậy đến bạn cuối cùng sẽ nói hết toàn bộ nhóm từ.

S1: (*Whisper) kitchen*

*S2: (Whisper) kitchen, bedroom*

S3: *(Whisper) kitchen, bedroom, living room*

S4: .............

***2.3.4 What’s missing? ( Tìm từ / tranh vừa mất )***

**Ví dụ 1: Unit 5 - Lesson 2 : A closer look 1**

Sau khi cho học sinh đọc từ (từ phải cùng nhóm hoặc cùng topic). Giáo viên viết lên bảng những từ đó không theo thứ tự, cho học sinh nhìn qua để nhớ vị trí, khi giáo viên hô: “sleep!” học sinh nhắm mắt và giáo viên xóa đi một từ

( chẳng hạn từ ***plaster*** ), giáo viên hô: “wake up!”, học sinh mở mắt nhìn thật nhanh xem mất từ nào thì hô to từ đó. Cứ như vậy đến khi còn một hoặc hai từ trên bảng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| C:\Users\Administrator\Desktop\bõing.jpg | ***C:\Users\Administrator\Desktop\cycling.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\karate.jpg*** |
| ***C:\Users\Administrator\Desktop\skiing.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\ẻobic.jpg*** | ***C:\Users\Administrator\Desktop\volley.jpg*** |

**Ví dụ: Unit 8 - Lesson 1: Getting started**

Giáo viên có thể sử dụng thủ thuật trên để kiểm tra từ qua tranh. Sau khi cho học sinh luyện đọc tên các hoạt động /môn thể thao qua tranh, giáo viên hô: “ Sleep” hoặc “ Eyes closed” và giấu bức tranh số 1 đi. Khi giáo viên hô “ Wake up”, học sinh hô to “ Karate”. Cứ làm như vậy cho đến khi còn 1 hoặc 2 tranh trên bảng.

**2.4 Một số phương pháp phát triển vốn từ vựng đã thực hiện:**

***2.4.1 Trò chơi viết từ theo chủ đề:***

**Ví dụ: Unit 4 - Lesson 5: Skills 1**

- Tôi chia lớp ra làm 2 nhóm A và B và bảng cũng được chia ra làm 2 phần, viết theo 2 chủ đề : City và Country

Trong khoảng thờ gian 3 phút, 2 nhóm lần lượt thi nhau lên viết từ. Tổng kết trò chơi xem nhóm nào viết được nhiều từ đúng và chính xác hơn là nhóm chiến thắng.

|  |  |
| --- | --- |
| **City** | **Country** |
| busy roads  crowded  noisy  mordern  polluted air  ... | quiet  fresh air  narrow roads  peaceful  friendly people  ... |

***1.5.2. Trò chơi viết từ theo các chữ cái quy định:***

**Ví dụ: Unit 4 - Lesson 7: Looking back and Project**

Giáo viên viết chữ ***‘NEIGHBOURHOOD’*** lên bảng và yêu cầu với thời gian ba phút, thành viên mỗi đội truyền phấn viết thật nhanh lên bảng tất cả các tính từ bắt đầu bằng các chữ cái có trong từ ***‘NEIGHBOURHOOD’.***

***\* Possible answers:***

**N:** noisy, narrow, new, near, nice, natural …

**E:** expensive, exciting, excellent, empty, easy, eager, early, …

**I:** ideal, important, intelligent, interesting, …

**G:** good, green, gentle, generous, golden, glad, grey, …

**H:** hot, horrible, high, happy, heavy, helpful, huge, …

**B:** bad, boring, better, big, black, blue, ...

**O:** old, oval, open, own, outgoing, optimistic ...

**R:** right, rainy, regular, relaxed, red, ready, …

**D:** dry, dark, dirty, dry, dangerous, …

**III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:**

***Sau một thời gian áp dụng sáng kiến kinh nghiệm: " Một số thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng môn Tiếng Anh lớp 6”***, tôi có được kết quả như sau :

- Tất cả học sinh đều có thể tham gia vào các hoạt động trong từng phần dạy.

- Các em hoạt động theo nhóm, theo cặp, cá nhân đều thực sự tích cực và có hiệu quả.

- Các em nắm bắt được cách phát âm và ý nghĩa của từ dễ dàng hơn.

- Việc liên hệ với thực tế không còn là vấn đề khó khăn đối với các em sau mỗi tiết học.

Sự chuyển biến đáng kể sau khi thực hiện các thủ thuật nhỏ vào dạy kĩ năng dạy từ vựng thể hiện sau mỗi đợt kiểm tra học sinh lớp 6A5 như sau:

- Tháng thứ nhất :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| 10 hs = 20 (%) | 19 hs = 38 (%) | 17 hs = 34 (%) | 4 hs = 8 (%) |

- Tháng thứ hai :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| 16 hs = 32 (%) | 24 hs = 48 (%) | 8 hs = 16 (%) | 2 hs = 4(%) |

- Tháng thứ ba :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tốt (%) | Khá (%) | TB (%) | Yếu (%) |
| 25 hs = 50 (%) | 23hs = 46(%) | 2 hs = 4(%) | 0 |

PHẦN III: KẾT THÚC VẤN ĐỀ

I. BÀI HỌC KINH NGHIỆM:

1. Thành công:

Qua thời gian nghiên cứu thực tế các tiết dạy trên lớp và tìm hiểu, ban đầu đã có những tín hiệu đáng mừng. Số học sinh vận dụng từ vựng trong giao tiếp tiến bộ rõ rệt; Số học sinh đọc kém, chậm trong lớp đó giảm xuống rất nhiều, thể hiện ý thức học tập của các em đang dần thay đổi theo chiều hướng tốt. Thăm dò thái độ học tập của các em cho thấy các em rất thích những hoạt động mà cô giáo cho thực hiện qua từng phần của bài học từ vựng, không còn tình trạng uể oải, mệt mỏi. Tiết học cũng trở nên sinh động và hấp dẫn hơn.

Qua đề tài này, tôi cũng thấy bản thân phải rèn luyện và học tập nhiều hơn nữa để mang lại các kiến thức chuẩn xác phục vụ cho công việc lâu dài cũng như tạo niềm tin đối với học sinh, giúp các em có được nền tảng vững chắc cho việc học tập bộ môn Tiếng Anh ở các bậc học tiếp theo.

***1.1 Khả năng áp dụng, nhân rộng:***

Tôi đã sử dụng các thủ thuật trên trong nhiều tiết dạy từ vựng ở nhiều khối lớp khác nhau, thủ thuật nào cũng gây được hứng thú cho người học, không mất thời gian chuẩn bị cho trò chơi. Đặc biệt, tôi dùng những trò chơi này ngay cả trong những tiết dạy mẫu câu, dạy viết… dù trong bất kì tiết dạy kĩ năng nào thì những thủ thuật qua các trò chơi trên cũng mang lại sự say mê học tập cho học sinh.

***1.2 Hiệu quả, lợi ích thu được do áp dụng giải pháp***

***+ Hiệu quả kinh tế:***

Không phải chuẩn bị nhiều đồ dùng dạy học, không mất thời gian chuẩn bị. Trong một thời gian ngắn có thể tổ chức cho nhiều học sinh chơi. Được sử dụng nhiều ngay cả trong những giờ dạy kĩ năng khác.

***+ Hiệu quả về mặt xã hội:***

Đảm bảo tính nhân văn, tính sáng tạo và phát huy được trí tuệ của học sinh.

Giúp học sinh phát âm chuẩn hơn, đảm bảo yêu cầu khó khăn của môn học, yêu cầu của xã hội.

Dễ chơi, dễ nhớ từ.

***+ Giá trị khác:***

Có thể thực hiện thủ thuật dạy từ trên với người học ở nhiều độ tuổi khác nhau, trên nhiều khu vực khác nhau và với trình độ nhận thức khác nhau.

Có thể sử dụng được lâu dài, không lo lỗi thời hay không phù hợp.

2. Tồn tại:

Tuy nhiên, trên thực tế khi thực hiện các thủ thuật dạy từ như đã trình bày ở trên, bản thân tôi vẫn thấy còn một số tồn tại và bất cập. Thời lượng cho một tiết học 45 phút đôi khi không đủ để cho tôi thực hiện hết các kế hoạch dạy học như mong muốn, trong khi lượng kiến thức khác trong tiết dạy khá nhiều. Hơn nữa sĩ số lớp tôi đang dạy là 50 em nên khi tổ chức các hoạt động vận động dễ gây ồn ào, mất trật tự trong tiết dạy. Một số học sinh chưa thật tập trung nghe giảng nên phần nào ảnh hưởng đến việc triển khai tổ chức trò chơi của giáo viên. Trong hoạt động chia nhóm chơi, một số em còn rụt rè, ỷ lại, đùn đẩy trách nhiệm tham gia hoạt động cho các bạn trong nhóm.

Nhận thấy những tồn tại này, bản thân tôi sẽ suy nghĩ nghiêm túc để hi vọng từng bước khắc phục tình trạng này trong những năm học tới.

II. KẾT LUẬN:

Qua quá trình thực hiện đề tài, tôi rút ra một số kết luận như sau:

Rõ ràng, có rất nhiều thủ thuật để giới thiệu và dạy từ vựng cho học sinh; nhưng một số thủ thuật tôi vừa trình bày phía trên rất phù hợp với cấp THCS nói chung và học sinh lớp 6 nói riêng. Bản thân tôi thấy thật sự là những cách dạy từ vựng sinh động, hiệu quả và mang lại hứng thú cho người học, giúp cho các em thấy việc học từ nhẹ nhàng, dễ dàng hơn và nhớ từ lâu hơn.

Song, trong quá trình dạy học, giáo viên không được tuyệt đối hoá bất kì thủ thuật nào, mà phải kết hợp nhuần nhuyễn, hợp lý, sử dụng các phương pháp dạy học phù hợp với từng bài học thì tiết học mới mang lại hiệu quả cao. Hơn thế nữa, giáo viên cần cân nhắc sử dụng cách dạy nào cho cân đối với thời lượng kiến thức khác trong tiết dạy.

Tìm ra những phương pháp, thủ thuật dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh không hề khó mà điều quan trọng là cách thức chuẩn bị, tổ chức hoạt động như thế nào cho hiệu quả. Điều quan trọng là giáo viên phải thấm nhuần nội dung, mục tiêu, yêu cầu của bài học. Một trong những yếu tố quyết định đến hiệu quả của giờ dạy học cần đề cập đến chính là cách tổ chức hoạt động và xử lý tình huống của giáo viên nhằm ghi nhận kịp thời sự cố gắng của các em.

Qua mỗi giờ dạy học, giáo viên cần căn cứ vào thực tế để tự rút kinh nghiệm hoặc thông qua việc dự giờ trao đổi với đồng nghiệp để tích lũy thêm kinh nghiệm cho bản thân.

III. KHUYẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT:

**1. Về phía giáo viên:**

Nói một cách ngắn gọn nhất, để áp dụng các thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng cho học sinh lớp 6 đạt được kết quả bước đầu như mong muốn, điều quan trọng nhất là người thầy phải vững vàng kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ, phương pháp dạy học, nắm chắc yêu cầu của từng bài học, nghiên cứu tài liệu để bổ sung kiến thức cho bản thân và phải thật tâm huyết với nghề.

**2. Về phía học sinh**

Cần chủ động, chú ý nghe giảng để lĩnh hội kiến thức dựa trên sự hướng dẫn gợi mở của giáo viên. Tự rèn luyện năng lực tư duy, đức tính tự tin, sáng tạo, kỹ năng làm việc cùng tập thể. Chăm chỉ học bài ở nhà, tự học và tham khảo các kênh qua Internet để bổ sung thêm kiến thức ngôn ngữ.

**3. Về phía các cấp ngành:**

Các cấp, ngành cần tạo điều kiện cho giáo viên tham dự nhiều hơn các chuyên đề trang bị kiến thức chuyên môn, bồi dưỡng thêm về phương pháp giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của trò ở những bài dạy khó.

Ngoài ra, để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên trong giảng dạy, các chuyên gia giáo dục nên biên soạn thêm các tài liệu tham khảo cho phù hợp với chương trình SGK mới này.

Thư viện nhà trường cần tiếp tục được bổ sung kịp thời những tài liệu Tiếng Anh để giáo viên và học sinh có thêm nhiều tư liệu tham khảo hữu ích; đặc biệt tạo cơ hội cho các em được sử dụng những quyển truyện ngắn bằng Tiếng Anh để nâng cao vốn từ cho các em.

Trên đây ***là một số thủ thuật nâng cao hiệu quả dạy từ vựng môn Tiếng Anh*** bản thân tôi tâm đắc và đã áp dụng trong thực tế giảng dạy môn Tiếng Anh lớp 6 năm học 2016 - 2017 này. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện không tránh khỏi những khiếm khuyết. Rất mong được đón nhận những ý kiến đóng góp của các cấp lãnh đạo, các bạn đồng nghiệp để sáng kiến kinh nghiệm của tôi được hoàn thiện hơn nữa. Đây là nền tảng quan trọng giúp tôi tiếp tục đổi mới phương pháp giảng dạy ở các khối lớp khác của bậc học.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Sách giáo khoa Tiếng Anh 6 - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tổ chức biên soạn theo chương trình Tiếng Anh Trung học cơ sở do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 03 tháng 01 năm 2012.

2. Tài liệu Hướng dẫn các trò chơi và hoạt động thực hành trong giờ học Tiếng Anh - NXB Hà Nội năm 2003.

3. “ Luyện siêu trí nhớ từ vựng Tiếng Anh” - tác giả Nguyễn Anh Đức -

NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. “ Mở rộng vốn Tiếng Anh qua các chủ đề” - tác giả: Tuấn Kiệt - Trí Tuệ - NXB Thanh niên.

5. "Bí quyết học từ vựng tiếng Anh" - tác giả Phan Hà - NXB Giáo dục (2003)

6. ''Từ vựng học tiếng Anh cơ bản" - tác giả Hoàng Tất Trường - Trường ĐHSP Ngoại Ngữ Hà Nội.

7. "Bồi dưỡng phương pháp dạy tiếng Anh" - tác giả Phạm Phương Luyện, Hoàng xuân Hoa - NXB Giáo dục (1999).

8. ''Sổ tay người dạy tiếng Anh'' - NXB giáo dục

9. " How to teach English'' - Barry Sesnan, Oxford University Press (2001).

10. Tài liệu bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên trung học cơ sở chu kỳ III (2004 - 2007). (Nhà xuất bản Giáo dục).

11. Những vấn đề chung về đổi mới Giáo dục Trung học cơ sở môn tiếng Anh - Bộ Giáo dục và Đào tạo (Nhà xuất bản Giáo dục).